

Name: _____

Class _____

GRADE 7 - UNIT 1 – VOCABULARY TEST 1

No.	Word	Type	IPA	Meaning
1.	h_____ = interest	n	/'hɑ:bi/	sở thích
2.	cr_____	n	/,kri:ei'tivəti/	sự sáng tạo
3.	g_____	n	/'gɑ:rdn/	khu vườn
4.	m_____	n	/'mɑ:dl/	mô hình
5.	le_____	n	/'lesn/	bài học
6.	ac_____	n	/æk'tivəti/	hoạt động
7.	am_____	adj	/ə'meizɪŋ/	tuyệt vời
8.	f_____	adj	/fɪt/	cân đối, khỏe
9.	in_____ in Ving/Noun	adj	/'ɪntrəstɪd/, /'ɪntrestɪd/	thích làm gì/điều gì
10.	di_____	adj	/'dɪfrənt/	khác nhau, khác biệt
11.	f_____time = spare time	n	/fri:/	thời gian rảnh
12.	st_____	adj	/strɔ:ŋ/	khỏe mạnh
13.	p_____	adj	/'peɪnt/	kiên nhẫn
14.	b_____	v	/bɪld/	xây dựng
15.	c_____	v	/kə'lekt/	thu thập, sưu tầm
16.	r_____ + a bike/a horse...	v	/raɪd/	cưỡi, lái
17.	m_____	v	/meɪk/	làm
18.	g_____	v	/grəʊ/	trồng / lớn lên
19.	s_____ + (...) on Ving/on N	v	/spend/	dành...làm gì/cho điều gì
20.	l_____ ~ study	v	/lɜ:rn/	học

Ms. Huỳnh Anh Thư – 070 444 6752

